

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: 2160/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Thủ Đức, ngày 24 tháng 11 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1072/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Dương Thị T, sinh năm 1988

Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh X.

Địa chỉ tạm trú: S2.02.28.03 chung cư V, số 512 NX, Tổ A, khu phố B, phường LTM, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông Lương Sỹ D, sinh năm 1986

Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh X.

Địa chỉ tạm trú: S2.02.28.03 chung cư V, số 512 NX, Tổ A, khu phố B, phường LTM, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Dương Thị T và ông Lương Sỹ D chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh X và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 ngày 27 tháng 01 năm 2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong vấn đề tình cảm và tài chính, hai bên không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau nên thường xảy ra cãi vã dẫn đến không còn tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Ông bà đã ly thân từ tháng 04 năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên có trao đổi chuyện hàn gắn nhưng không có kết quả. Cuộc sống chung

không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Dương Thị T và ông Lương Sỹ D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 người con chung tên Lương Bích N, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2013. Đôi bên thỏa thuận, khi ly hôn bà Dương Thị T sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; ông Lương Sỹ D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, việc giao nhận tiền cấp dưỡng sẽ do hai bên tự thực hiện vào ngày 10 (đương lịch) hàng tháng, bắt đầu từ tháng 12 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Bà Dương Thị T và ông Lương Sỹ D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà Dương Thị T và ông Lương Sỹ D tự khai không có.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 16 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị T và ông Lương Sỹ D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 đăng ký ngày 27 tháng 01 năm 2011 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh X cấp cho bà Dương Thị T và ông Lương Sỹ D không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao cho bà Dương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Lương Bích N, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2013. Ông Lương Sỹ D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, việc giao nhận tiền cấp dưỡng sẽ do hai bên tự thực hiện vào ngày 10 (đương lịch) hàng tháng, bắt đầu từ tháng 12 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Dương Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lương Sỹ D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Lương Sỹ D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì bà Dương Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông Lương Sỹ D.

Bà Dương Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Lương Sỹ D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Dương Thị T và ông Lương Sỹ D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Bà Dương Thị T và ông Lương Sỹ D tự khai không có.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Bà Dương Thị T và ông Lương Sỹ D mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng mà bà Dương Thị T, ông Lương Sỹ D đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng số: AA/2019/0047989 ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Dương Thị T, ông Lương Sỹ D đã nộp đủ lệ phí.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh X;
- Lưu hồ sơ, VP.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Lệ Quyên**